

Hải phòng, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM**
“V/v: Sửa đổi Quy chế công bố thông tin của Công ty”

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Container Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp ngày 06/10/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Container Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Toàn văn Quy chế công bố thông tin sửa đổi kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT, Thư ký Cty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hoà

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1006/2021/QĐ-HĐQT ngày 06/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Container Việt Nam)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cách thức, trình tự tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định trách nhiệm, việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người được ủy quyền công bố thông tin.
- b) Các bộ phận liên quan gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban, người phụ trách quản trị Công ty.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ của Công ty.
- d) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- e) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;
- f) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Điều lệ” là điều lệ của Công ty Cổ phần Container Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua;
- b) “Công bố thông tin định kỳ” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;
- c) “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định kể từ khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật;
- d) “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch;
- e) “Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty” là công việc Công ty công bố thông tin về các hoạt động khác khi thực hiện hoạt động đó theo quy định của pháp luật.

f) “Báo cáo thường niên” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ theo Mẫu được cơ quan nhà nước ban hành;

g) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

h) “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

i) “TCTLKBTK/VSDC” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

k) Người nội bộ của Công ty, bao gồm:

- Thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc, các Giám đốc chuyên môn hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Kế toán trưởng;
- Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
- Thư ký công ty;
- Người phụ trách quản trị công ty;
- Người nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).

l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định Điều 4.46 Luật Chứng khoán, bao gồm trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố sau:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Công ty;
 - b) Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - c) Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
 - d) Phương tiện công bố thông tin của TCTLKBTCK: trang thông tin điện tử của TCTLKBTCK;
 - e) Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.
4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền kề sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
6. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSDC thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK, VSDC.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a) Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm căn cước công dân, chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân hoặc sổ hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

c) Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

2. Khi công ty công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

4. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt, các Giám đốc chuyên môn cử một người trong số họ thay thế thực hiện công bố thông tin;

2. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCK

tối thiểu 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung đăng ký về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục II ban hành kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III ban hành kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của Người công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và tại quy chế này.

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Lập báo cáo theo đúng quy định;

4. Đề xuất, kiến nghị với Ban lãnh đạo Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này;

5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty;

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Nội dung	Hình thức¹	Thời hạn	Ghi chú
Mục 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY				
Công bố thông tin định kỳ				
1	Báo cáo tài chính (gồm cả báo cáo riêng và báo cáo tài chính năm hợp nhất) Đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh; báo cáo kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải ý kiến chấp			Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

¹ Theo Nguyên tắc việc CBTT thực hiện đồng thời trên Trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN và SGDCK; trường hợp khác hình thức công bố sẽ điền chi tiết.

	nhận toàn phần, theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp			tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
1.1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán		Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
1.2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét		Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại
1.3	Báo cáo tài chính quý		Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý Trường hợp báo cáo tài chính được soát xét (nếu có) thì thời hạn công bố thông tin là trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	
2	Báo cáo thường niên: Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được		Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài	Lập theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-

	kiểm toán		chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	BTC
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		Định kỳ 06 tháng và năm dương lịch, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Lập theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/96/2020/TT-BTC
4	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công bố về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)		Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	
5	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, báo cáo sử dụng vốn		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP
6	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo sổ cổ đông gần nhất	SGDCK	Thời điểm 06 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch	Mẫu số CBTT/SGDHCM-07 ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016
Công bố thông tin bất thường				
1	Công ty phải công bố thông tin		24 giờ từ thời điểm	Khi công bố thông tin,

	trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây		xảy ra sự kiện	Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
1.1.	<ul style="list-style-type: none"> - Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán của Công ty; - Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này; 			
1.2.	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (tăng/giảm vốn điều lệ Công ty,...); Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động			
1.3.	Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)			Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong

				trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn
1.4.	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp			
1.5.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu			
1.6.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty			
1.7.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế			

	toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký			
1.8.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn) hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết			
1.9.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng			
1.10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp: phát hành thêm cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu giao dịch cổ phiếu quỹ, mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán và mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân			Theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016

	viên (nếu có) theo mẫu của SGDCK			
1.11	Khi Công ty có sự thay đổi người nội bộ (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức; nêu rõ thời điểm hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ)			<p>Theo Phụ lục số III ban hành kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>Trong vòng 03 ngày kể từ ngày công bố thông tin, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo quy định SGDCKD (Theo mẫu CBTT/SGDHCM-05, CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016)</p>
1.12	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; hoặc quyết định khởi tố công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty; thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty			
1.13	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính			

	bán niên gần nhất được soát xét			
1.14	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, quyết định mua, bán tài sản, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác có giá trị từ 10% trở lên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét			
1.15	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty			
1.16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó			
1.17	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài			
2	Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, SGDCK, VSDC, WEBSITE		
2.1.	Thực hiện quyền cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông		Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
2.2.	Thực hiện các quyền khác		Trong thời hạn chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	
3	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận		Tương tự với công bố thông tin các loại	

	soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính		báo cáo tài chính tương ứng	
4	Công bố thông tin về thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết	Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
5	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp		Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	
Công bố thông tin theo yêu cầu				
1	Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK		24 giờ kể từ khi nhận yêu cầu	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
1.1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư			
1.2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó			

Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ			
3.1	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ		Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	
3.2	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin		Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, báo cáo về giao dịch:			
---	---	--	--	--

1.1	Khi có sự tăng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...)	Công ty, UBCKNN và SGDCK	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi	Theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
1.2	Khi không còn là cổ đông lớn	Công ty, UBCKNN và SGDCK	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi	Theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC Không áp dụng đối với trường hợp phát hành thêm cổ phiếu
2	Công ty công bố về sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng	Website	Thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	

Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1	Báo cáo thực hiện giao dịch Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCK về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, ...) khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng	Công ty, UBCKNN và SGDCK	Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc	Theo Phụ lục số XIII hoặc XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Các đối tượng có thời gian thực hiện được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK, trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc
---	---	--------------------------	--	---

	<p>từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) và theo giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu).</p> <p>Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.</p>			<p>giao dịch chào mua công khai thì thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.</p>
2	<p>Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch</p> <p>Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo Công ty, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).</p>	<p>Công ty, UBCKNN và SGDCK</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch</p>	<p>Theo Phụ lục số XV hoặc Phụ lục số XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</p>
3	<p>Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin</p> <p>Trường hợp người nội bộ của Công ty, hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn kể cả các tổ chức chính trị - xã</p>		<p>Theo Báo cáo thực hiện giao dịch và Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch</p>	

	hội như Công đoàn, ... thì chỉ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan			
3	Khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch mà Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty phải báo cáo		Trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi	
4	Công ty phải công bố trên website của Công ty về giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu - trái phiếu chuyển đổi của các đối tượng trên: người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ,	Website	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	
Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai				
1	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua		Công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn	

Chương III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin

- Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người được ủy quyền công bố thông tin thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố.

- Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Người được ủy quyền công bố thông tin trong thời hạn không quá 2/3 thời gian mà Công ty phải công bố; việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.

- Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện hoặc đại diện phụ trách bộ phận.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Người được ủy quyền công bố thông tin phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Chỉnh sửa hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định;

3. Bước 3: Phê duyệt

Người được ủy quyền công bố thông tin trình Tổng giám đốc phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

5. Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Tổng Giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Công ty thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

- Người được ủy quyền công bố thông tin sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Bộ phận đầu mỗi chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mỗi chuẩn bị công bố thông tin của Công ty bao gồm:

1. Thư ký Hội đồng quản trị: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến quản trị Công ty và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Phòng Tài chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, cổ đông, cổ phiếu và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Phòng Tài chính - Kế toán và Thư ký là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố.

Điều 10. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

2. Trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, trưởng các phòng, ban, đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

2. Các phòng ban tham mưu, giúp việc, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hoà